

Bản án số: 35/2023/HC-ST
Ngày: 26-4-2023
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Vi Vân;
- Ông Phan Đình Khiêm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-HC ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 18/QĐST-HC ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Trọng H; sinh năm 1966; vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968, địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022) có mặt

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân thành phố P; vắng mặt
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh S, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Văn P, chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Lê Duy L1, chức vụ: Phó phòng quản lý quỹ đất (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2018). Có mặt

- Công ty Cổ phần Đ;

Địa chỉ: số A đường số B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan M, sinh năm 1958, địa chỉ: số G T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Ngày 06/02/2002, ông Nguyễn Trọng H nhận chuyển nhượng diện tích đất 924m² của bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1947, cư trú tại khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Ông H sử dụng đất và làm nhà ở trên đất từ năm 2003. Ngày 24/3/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4432/QĐ-UBPT về việc thu hồi diện tích đất 924m² của hộ ông Nguyễn Trọng H; Ngày 15/4/2014, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1015/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Trọng H; Ngày 22/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 8817/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi diện tích đất 924m² đối với hộ ông Nguyễn Trọng H.

Ông H cho rằng các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P vi phạm rất nghiêm trọng các quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị quyết hướng dẫn Luật Đất đai 2003. Cụ thể:

- Quyết định thu hồi đất số 4432/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 của Chủ tịch UBND thành phố P là trái pháp luật vì trái thẩm quyền thu hồi đất. Căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003 thì thẩm quyền thu hồi đất là Ủy ban nhân dân chứ không phải là Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Vào ngày 29/11/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 5698/UBND-ĐTQH về việc ban hành một chủ trương mới, đó là chủ trương không thu hồi trắng bán đất nền nữa mà chỉ thu hồi đất để mở đường, chỉnh trang đô thị và giao cho Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện. Tuy nhiên, Ủy

ban nhân dân thành phố P đã làm trái chủ trương của tỉnh đó là Ủy ban nhân dân thành phố P đã lợi dụng thu hồi đất trắng để bán đấu giá cho các Công ty địa ốc.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định thu hồi đất năm 2005, nhưng hộ ông H vẫn đang sử dụng đất cho đến khi bị Ủy ban cưỡng chế thu hồi là vào năm 2017; như vậy Ủy ban chưa thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng mà tiến hành bán đấu giá cho Công ty Đ vào năm 2006 và đến năm 2017 mới cưỡng chế để giao đất cho Công ty Đ là trái quy định tại Điều 38 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 130 Nghị định 181/2004 và Ủy ban nhân dân lần Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh B cũng chưa thực hiện đúng khoản 3 Điều 1 và Điều 3 của Quyết định 5290.

Do đó, ông Nguyễn Trọng H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4432/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Trọng H;

- Hủy Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Trọng H;

- Hủy Quyết định số 8817/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Trọng H.

Người bị kiện trình bày:

- Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P giữ nguyên ý kiến tại Công văn số 1141/CV-TNMT ngày 25/4/2023. Không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Trọng H.

- Văn bản số 5698/UBND-ĐTQH ngày 29/11/2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành là Công văn nội bộ, không phải là quyết định như ý kiến người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày. Đến nay, diện tích đất 924m² thu hồi của hộ ông Nguyễn Trọng H1 vẫn đang trong dự án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận trình bày:

Sau khi có quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Trọng H thì Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận đã mời ông H đến nhận tiền đền bù nhưng ông H không đồng ý nhận tiền. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ trình bày: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham

gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H. Hủy Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Trọng H, buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H về việc hủy Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Trọng H và Quyết định số 8817/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Trọng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc vắng mặt đương sự: Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên;

- Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Trọng H; Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Trọng H; Quyết định số 8817/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Trọng H, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H. Ngày 17/5/2018, ông Nguyễn Trọng H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, có cơ sở xác định các văn bản nêu trên là quyết định hành chính bị kiện; Ông H khởi kiện trong thời hiệu; Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét việc ông Nguyễn Trọng H yêu cầu hủy Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P: Nhận thấy

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4432/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 thu hồi đất của ông Nguyễn Trọng H là không đúng thẩm quyền tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003. Việc ban hành Quyết định số 4432/QĐ-UBPT trên cơ sở thi hành Quyết định số 5290/QĐ-CTUBBT ngày 33/02/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi và giao đất cho Quỹ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng Bình Thuận xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư H3, giai đoạn 2a tại phường P và phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại khoản 1 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 quy định về việc thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định: *“Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố hoặc khi dự án đầu tư có nhu cầu sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt”*.

Tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: *“Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau đây: Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng”*.

Nhận thấy Quyết định số 4432/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi diện tích đất 924m² đối với hộ ông Nguyễn Trọng H, tọa lạc tại phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư H, giai đoạn 2a, thành phố P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật đất đai năm 2003 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Do đó, mặc dù việc ban hành quyết định thu hồi đất là chưa đúng thẩm quyền nhưng nội dung quyết định là đúng quy định nên ông Nguyễn Trọng H yêu cầu hủy Quyết định số 4432/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi diện tích đất 924m² đối với hộ ông Nguyễn Trọng H là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét việc ông Nguyễn Trọng H yêu cầu hủy Quyết định số 8817/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Trọng H:

Tại khoản 3 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 quy định về việc thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng: *“Sau khi có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, được công bố công khai, có hiệu lực thi hành, người bị thu hồi đất phải chấp hành quyết định thu hồi đất”*.

Trường hợp người bị thu hồi đất không chấp hành quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất ra quyết định cưỡng chế. Người bị cưỡng chế thu hồi đất phải chấp hành quyết định cưỡng chế và có quyền khiếu nại”.

Nhận thấy ông Nguyễn Trọng H không chấp hành Quyết định thu hồi đất số 4432/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 8817/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Trọng H là đúng pháp luật. Vì vậy ông Nguyễn Trọng H yêu cầu hủy Quyết định số 8817/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét việc ông Nguyễn Trọng H yêu cầu hủy Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Trọng H:

[4.1] Tại Điều 42 Luật đất đai 2003 quy định:

“1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này.

2. Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”.

Tại Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định “Người bị Nhà nước thu hồi đất có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 của Nghị định này thì được bồi thường; trường hợp không đủ điều kiện được bồi thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét để hỗ trợ”.

Tại Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định người bị Nhà nước thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường:

“1. Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây:

a) Những giấy tờ về quyền được sử dụng đất đai trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền N Việt Nam và N;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở, mua nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất.

4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến thời điểm có quyết định thu hồi đất chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp.

5. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn ở miền núi, hải đảo, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

6. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất đó không có tranh chấp”

Nhận thấy diện tích đất 924m² mà nhà nước thu hồi có nguồn gốc do ông Nguyễn Trọng H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C vào năm 2002. Bà C chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất nhưng bà C sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; không có ai khiếu nại, tranh chấp, nên đủ điều kiện bồi thường. Vì vậy Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất cho hộ ông H là không đúng quy định.

[4.2] Thời điểm ban hành Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho hộ ông H thì Quyết định số 66/2013/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định về giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đang có hiệu lực nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành Quy định về giá các loại đất năm 2012 tại tỉnh Bình Thuận (đã hết hiệu lực) để tính hỗ trợ cho hộ ông H là không đúng quy định.

Do việc bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi của Ủy ban nhân dân thành phố P chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng và hợp pháp của hộ ông Nguyễn Trọng H. Vì vậy ông Nguyễn Trọng H yêu cầu hủy Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H là có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi đất không được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.450.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi đất không được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 39, Điều 42, Điều 44 Luật Đất đai 2003; Điều 62, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H.

Hủy Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Trọng H;

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H về việc:

- Hủy Quyết định số 4432/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Trọng H;

- Hủy Quyết định số 8817/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Trọng H.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Trọng H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.450.000đồng. Ông H đã nộp đủ số tiền 1.450.000đồng.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0022819 ngày 12/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Hùng

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Bình Thuận; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;

- Đường sự;

- Lưu: hồ sơ.

Vũ Đức Hùng